TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2026
V/v: *ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trần Công Đẳng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Hồng M, sinh năm 2005. Căn cước công dân số 096305010496 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp I, xã K, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Vũ K, sinh năm 2000. Căn cước công dân số 096200007597 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp I, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/11/2025 bà Trần Hồng M trình bày:

Về hôn nhân: Bà M và ông K tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) vào ngày 02/3/2023. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc nên cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Bà M yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 1 con chung tên Trần Hoài Â, sinh 30/5/2023, đang do bà M nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Vũ K đúng theo quy định pháp luật nhưng ông K không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà M và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Hồng M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trần Vũ K được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt bà M và ông K theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Hồng M và ông Trần Vũ K tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà M với ông K là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng, bà M xác định giữa bà với ông K đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà M yêu cầu được ly hôn với ông K. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập nhiều lần nhưng ông K vắng mặt không lý do, ông K cũng không có ý kiến về việc bà M yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M với ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà M, cho bà M và ông K ly hôn.

[4] Về con chung: Bà Trần Hồng M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Hoài Â, nhận thấy con chung do bà M nuôi dưỡng. Mặt khác, ông Trần

Vũ K cũng không có ý kiến gì về việc bà M yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Hoài Â. Do đó, giao người con chung tên Trần Hoài Â cho bà M nuôi dưỡng là đảm bảo cho con chung có điều kiện phát triển bình thường ổn định tâm lý và tình Cảm. Ông K có quyền nghĩa vụ thăm nom người con chung tên Trần Hoài Â không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Trần Hồng M không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Trần Hồng M xác định không có, ông Trần Vũ K cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[7] Về án phí:

Bà Trần Hồng M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu, theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Hồng M với ông Trần Vũ K.

- Về con chung: Giao người con chung Trần Hoài Â, sinh ngày 30/5/2023 cho bà Trần Hồng M nuôi dưỡng. Ông Trần Vũ K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Hoài Â không ai được quyền cản trở.

- Về tài chung, về nợ chung: Không xem xét

- Về án phí: Bà Trần Hồng M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí

với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005381 ngày 26/11/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Bà Trần Hồng M và ông Trần Vũ K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau (1b);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND xã Khánh Lâm, tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn